

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F1 (2018-2022)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Ngành: Sư phạm Tiếng Pháp

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các HP này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.Lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.Lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
		Cộng	13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	FRE4021	Tiếng Pháp 1A	4	8
8	FRE4022	Tiếng Pháp 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
		Cộng	15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	FRE4023	Tiếng Pháp 2A	4	8
12	FRE4024	Tiếng Pháp 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
		Cộng	16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8
15	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8
16	FRE4027B	Tiếng Pháp 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VL1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)		
		Cộng	16-18	25-27

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
20	FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
21	FRE4030B	Tiếng Pháp 4C	4	4
22	PSF3007	Tâm lý học	3	3
		(SV có thể tích lũy HP Tiếng Pháp 4C tại kì 4 hoặc kì 5)		
23-24		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	FRE1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KHXH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
		Cộng	11-21	19-29

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	PSF3008	Giáo dục học	3	3
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
28	FRE3031	Lý luận giảng dạy tiếng Pháp	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)		
		Cộng	12-14	12-14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2	2
30	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
31	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
32	FRE3037	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
		HP tự chọn (IV.1.2)	6	6
33-34	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc/và 7)		
35-36		HP tự chọn (V.2)	12	12
	FRE3034	Phiên dịch	3	3
	FRE3017	Biên dịch	3	3
		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (V.2) ở HK6 & 7)		
		Cộng	15-21	15-21

NĂM HỌC 2021-2022

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F1 (2018-2022)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Ngành: Ngôn ngữ Tiếng Pháp- Định hướng Tiếng Pháp - Phiên dịch

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các HP này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng.lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	FRE4021	Tiếng Pháp 1A	4	8
8	FRE4021	Tiếng Pháp 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	FRE4023	Tiếng Pháp 2A	4	8
12	FRE4024	Tiếng Pháp 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8
15	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8
16	FRE4027B	Tiếng Pháp 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thức hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	25-27

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
20	FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
21	FRE4030B	Tiếng Pháp 4C	4	4
<i>(SV có thể tích lũy HP Tiếng Pháp 4C tại kì 4 hoặc kì 5)</i>				
22-23		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	FRE1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
Cộng			8-18	16-26

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
25	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
26	FRE3017	Biên dịch	3	3
27	FRE3034	Phiên dịch	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			12-14	12-14

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
28	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
29	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
30	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3
31	FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
32	FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
33-34		HP tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc 7)</i>				
35		HP tự chọn (Khối V.1.2.2)	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính văn phòng	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (V.2) ở HK6 hoặc 7)</i>				
Cộng			18-24	18-24

NĂM HỌC 2021-2022

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F1 (2018-2022)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Ngành: Ngôn ngữ Pháp - Định hướng Tiếng Pháp- Du lịch

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các HP này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	FRE4021	Tiếng Pháp 1A	4	8
8	FRE4021	Tiếng Pháp 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	FRE4023	Tiếng Pháp 2A	4	8
12	FRE4024	Tiếng Pháp 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8
15	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8
16	FRE4027B	Tiếng Pháp 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	25-27

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
20	FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
21	FRE4030B	Tiếng Pháp 4C	4	4
<i>(SV có thể tích lũy HP Tiếng Pháp 4C tại kì 4 hoặc kì 5)</i>				
22-23		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	FRE1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	
Cộng			8-18	16-26

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
25	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
26	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
27	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch khách sạn	3	3
28	FRE3017	Biên dịch	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III ở HK 3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			15-17	15-17

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
30	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
31	FRE3034	Phiên dịch	3	3
		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
32-33		HP tự chọn (khối IV.1.2)	6	6
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
34		HP tự chọn (khối V.2.2.1)	6	6
	FRE3042	Tiếng Pháp du lịch khách sạn nâng cao	3	3
	TOU3031	Hướng dẫn du lịch	3	3
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3
	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (V.2.2.1) ở HK 6 và/hoặc 7)</i>				
Cộng			12-18	12-18

NĂM HỌC 2021-2022

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2018.F1 (2018-2022)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Pháp

Ngành: Ngôn ngữ Pháp- Định hướng Tiếng Pháp - Kinh tế

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các HP này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC HP THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHÖI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	FRE4021	Tiếng Pháp 1A	4	8
8	FRE4022	Tiếng Pháp 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	FRE4023	Tiếng Pháp 2A	4	8
12	FRE4024	Tiếng Pháp 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	FRE4025	Tiếng Pháp 3A	4	8
15	FRE4026	Tiếng Pháp 3B	4	8
16	FRE4027B	Tiếng Pháp 3C	3	4
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK 3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	25-27

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	FRE4028	Tiếng Pháp 4A	4	8
20	FRE4029	Tiếng Pháp 4B	4	8
21	FRE4030B	Tiếng Pháp 4C	4	4
<i>(SV có thể tích lũy HP Tiếng Pháp 4C tại kì 4 hoặc kì 5)</i>				
22-23		HP tự chọn (Khối II)	6	6
	FRE1001	Địa lý đại cương	3	3
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	2
	MAT1092	Toán cao cấp	4	4
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	MAT1101	Xác suất thống kê (phải tích lũy xong HP Toán cao cấp)	3	3
Cộng			8-18	16-26

NĂM HỌC 2020-2021

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	INE1050	Kinh tế vi mô	3	3
25	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
26	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
27	FRE3017	Biên dịch	3	3
28	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3
HP tự chọn (Khối III.2)			2	2
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III ở HK 3 hoặc 5)</i>				
Cộng			15-17	15-17

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	INE1051	Kinh tế vi mô	3	3
30	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
31	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
32	FRE3034	Phiên dịch	3	3
HP tự chọn (Khối III.2)			2	2
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
33-34		HP tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK 6 hoặc (và 7)</i>				
35		HP tự chọn (Khối V.3.2.2)	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính ngân hàng	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch khách sạn	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (V.3.2.2) ở HK 6 hoặc 7)</i>				
Cộng			15-21	15-21

NĂM HỌC 2021-2022

Học Kỳ 7

Học Kỳ 8
